ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 546 /KH-UBND	*Đà Nẵng, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích;

Căn cứ Quyết định số 777/QĐ-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 và được đính chính tại Quyết định số 3125/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 51/2026/TT-BKHCN ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc thực hiện yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông đối với từng loại hình dịch vụ viễn thông và đo tốc độ mạng Internet dịch vụ viễn thông công ích;

Căn cứ Thông tư số 57/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 4141/TTr-SKHCN ngày 19/10/2026, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Chương trình), với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời và thống nhất các nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030 trên địa bàn thành phố theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Bảo đảm các đối tượng, địa bàn thuộc phạm vi hỗ trợ được rà soát, xác định, lập danh sách, xác nhận và tổ chức hỗ trợ đúng quy định. Từng bước nâng cao mức độ phổ cập dịch vụ viễn thông, thu hẹp khoảng cách về khả năng tiếp cận dịch vụ giữa các khu vực, nhất là các khu vực khó khăn, khu vực chưa đáp ứng yêu cầu về dịch vụ viễn thông.

c) Hỗ trợ bảo đảm thông tin liên lạc cho ngư dân trên tàu, thuyền Việt Nam đánh bắt trên biển thông qua việc triển khai chính sách hỗ trợ dịch vụ viễn thông di động hàng hải theo quy định của Chương trình.

d) Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và doanh nghiệp viễn thông trong rà soát địa bàn, quản lý đối tượng, cung cấp dịch vụ, hỗ trợ thiết bị đầu cuối, cập nhật dữ liệu, kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình.

đ) Hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý Chương trình, bảo đảm thông tin được cập nhật thường xuyên, thống nhất, có khả năng kiểm tra, đối chiếu, tổng hợp và theo dõi kết quả thực hiện theo tháng.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai phải đúng đối tượng, đúng địa bàn, đúng điều kiện, nội dung và phương thức hỗ trợ theo quy định; không để xảy ra trùng lặp, bỏ sót hoặc hỗ trợ không đúng đối tượng.

b) Phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối chuyên môn của thành phố, UBND cấp xã là đầu mối tiếp nhận, rà soát, cập nhật thông tin đối tượng trên địa bàn. Trung tâm Thông tin và Giám sát, Điều hành thông minh thực hiện nhiệm vụ về kỹ thuật và cơ sở dữ liệu.

c) Thông tin, số liệu sử dụng để xác định địa bàn, đối tượng và lập danh sách hỗ trợ phải được cập nhật, kiểm tra, đối chiếu và bảo đảm phù hợp với biểu mẫu, yêu cầu dữ liệu theo quy định.

d) Ưu tiên khai thác, kết nối, đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hiện có; hạn chế việc yêu cầu thu thập, nhập lại những thông tin đã có và có thể khai thác hợp pháp.

đ) Việc thực hiện Chương trình phải gắn với cơ chế theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ; kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030 trên địa bàn thành phố; bảo đảm các đối tượng, địa bàn đủ điều kiện được tiếp cận và sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo

quy định; nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản lý nhà nước thông qua cơ sở dữ liệu dùng chung.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Rà soát, xác định và cập nhật đầy đủ các địa bàn, khu vực cần phổ cập dịch vụ viễn thông theo quy định của Chương trình.

b) Rà soát, xác định, cập nhật danh sách các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm đối tượng khác theo từng loại hình dịch vụ.

c) Triển khai hỗ trợ dịch vụ viễn thông di động hàng hải phục vụ thông tin liên lạc cho ngư dân trên tàu, thuyền Việt Nam đánh bắt trên biển theo quy định; quản lý, cập nhật thông tin chủ tàu cá, tàu cá và tình trạng sử dụng dịch vụ phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo.

d) Rà soát, đo kiểm và đánh giá việc đáp ứng yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông đối với các loại hình dịch vụ thuộc Chương trình.

đ) Triển khai hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ theo quy định của Chương trình.

e) Xây dựng, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý Chương trình; từng bước hình thành công cụ theo dõi, tổng hợp và hiển thị kết quả thực hiện trên địa bàn thành phố.

g) Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

III. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Rà soát, xác định địa bàn, khu vực cần phổ cập dịch vụ viễn thông

a) Nội dung thực hiện

- Rà soát hiện trạng cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn thành phố; xác định các địa bàn, khu vực chưa đáp ứng yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông theo quy định.

- Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin về hiện trạng hạ tầng, chất lượng dịch vụ, số hộ dân, số dân và các thông tin liên quan phục vụ lập danh sách địa bàn, khu vực đề xuất hỗ trợ.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông thực hiện đo kiểm, xác định khu vực chưa đáp ứng yêu cầu, lập bản đồ số và đề xuất phương án cung cấp dịch vụ.

- Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, danh sách địa bàn, khu vực khó khăn gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định tại Điều 12, Thông tư 57/2026/TT-BKHCN.

- Định kỳ rà soát, cập nhật khi có thay đổi về dân số, địa giới hành chính, hạ tầng hoặc khả năng cung cấp dịch vụ.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Đơn vị phối hợp: UBND các xã, phường, đặc khu, các doanh nghiệp viễn thông

c) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030

2. Rà soát, xác định đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

a) Nội dung thực hiện

- Rà soát các nhóm đối tượng được hỗ trợ theo từng loại hình dịch vụ của Chương trình.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành và UBND cấp xã thu thập, đối chiếu thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo, cơ sở giáo dục, trạm y tế, điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin và các đối tượng khác theo quy định.

- Hướng dẫn UBND cấp xã tiếp nhận đăng ký, rà soát, lập và cập nhật danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ.

- Xác nhận, tổng hợp và gửi danh sách đối tượng theo quy định; thực hiện thủ tục đối với trường hợp thay đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

- Định kỳ rà soát, cập nhật danh sách khi có thay đổi về đối tượng, địa chỉ, điều kiện hoặc tình trạng sử dụng dịch vụ.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các xã, phường, đặc khu, các doanh nghiệp viễn thông

c) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030

3. Hỗ trợ dịch vụ viễn thông di động mặt đất, dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định mặt đất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ

a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức triển khai hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho các đối tượng đủ điều kiện theo từng loại hình dịch vụ.

- Hướng dẫn đối tượng thực hiện đăng ký sử dụng dịch vụ; bảo đảm mỗi đối tượng được hỗ trợ theo đúng quy định và không đăng ký trùng lặp.

- Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông thực hiện cung cấp dịch vụ đúng đối tượng, điều kiện, chất lượng và mức hỗ trợ.

- Theo dõi tình hình đăng ký, sử dụng dịch vụ; kịp thời cập nhật trường hợp thay đổi thông tin hoặc thay đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: UBND các xã, phường, đặc khu

- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông

c) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030

4. Hỗ trợ dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất tại các cơ sở giáo dục, trạm y tế, điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc đối tượng Chương trình

a) Nội dung thực hiện

- Rà soát số lượng, địa điểm và hiện trạng kết nối của các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông (bao gồm cả điểm trường), trạm y tế xã (bao gồm điểm y tế/điểm trạm y tế), điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin và các điểm khác thuộc diện hỗ trợ.

- Xác định nhu cầu hỗ trợ theo từng năm và cả giai đoạn 2026–2030.

- Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông triển khai dịch vụ, bảo đảm yêu cầu về chất lượng, tốc độ và kết nối theo quy định.

- Theo dõi tình trạng cung cấp dịch vụ, chất lượng dịch vụ và việc duy trì sử dụng tại các điểm được hỗ trợ.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các doanh nghiệp viễn thông

c) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030

5. Hỗ trợ dịch vụ viễn thông di động hàng hải phục vụ thông tin liên lạc cho ngư dân

a) Tổ chức thực hiện

- Tổ chức triển khai hỗ trợ dịch vụ viễn thông di động hàng hải (dịch vụ thoại) phục vụ thông tin liên lạc cho ngư dân trên tàu, thuyền Việt Nam đánh bắt trên biển theo quy định của Chương trình.

- Rà soát, xác định số lượng tàu cá thuộc diện được hỗ trợ trên địa bàn; thu thập, đối chiếu thông tin về chủ tàu cá, số định danh cá nhân, địa chỉ và biển số tàu cá phục vụ lập danh sách hỗ trợ.

- Hướng dẫn chủ tàu cá thực hiện thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ theo quy định.

- Phối hợp với cơ quan quản lý lĩnh vực thủy sản, UBND cấp xã và doanh nghiệp viễn thông trong việc đối chiếu thông tin chủ tàu, tàu cá và tình trạng đăng ký, sử dụng dịch vụ.

- Cập nhật thông tin tàu cá, chủ tàu cá và tình trạng hỗ trợ, sử dụng dịch vụ vào cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý Chương trình.

- Theo dõi số lượng chủ tàu cá đăng ký, số tàu cá được hỗ trợ, tình trạng cung cấp dịch vụ và các trường hợp thay đổi thông tin để cập nhật, tổng hợp, báo cáo.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, hướng dẫn chủ tàu cá thực hiện đúng thủ tục đăng ký và sử dụng dịch vụ được hỗ trợ.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đài Thông tin Duyên hải

c) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030

6. Hỗ trợ dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định vệ tinh tầm thấp tại khu vực chưa có dịch vụ

a) Nội dung thực hiện

- Rà soát các khu vực thuộc diện được hỗ trợ nhưng chưa được cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất và Internet băng rộng cố định mặt đất theo quy định.

- Xác định các điểm cộng đồng đủ điều kiện, nhu cầu sử dụng và vị trí triển khai.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ, bảo đảm kết nối phục vụ người dân tại điểm cộng đồng theo quy định.

- Theo dõi tình trạng hoạt động, chất lượng dịch vụ và việc khai thác, sử dụng tại các điểm được hỗ trợ.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Đơn vị phối hợp: UBND các xã, phường, đặc khu, các doanh nghiệp viễn thông

c) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030

7. Đo kiểm, đánh giá chất lượng và yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông

a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức đo kiểm, đánh giá việc đáp ứng yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông theo quy định đối với từng loại hình dịch vụ.

- Doanh nghiệp viễn thông thực hiện đo kiểm và lập Mẫu số 01 - Kết quả đo tốc độ truy nhập Internet theo quy định.

- Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện xác nhận kết quả đo theo thẩm quyền; định kỳ đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông.

- Trường hợp phát hiện khu vực hoặc dịch vụ không đáp ứng yêu cầu, phối hợp với doanh nghiệp viễn thông xác định nguyên nhân và đề xuất phương án xử lý.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Đơn vị phối hợp: UBND các xã, phường, đặc khu, các doanh nghiệp viễn thông

c) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030

8. Hỗ trợ thiết bị đầu cuối

a) Nội dung thực hiện

- Rà soát, xác định đối tượng thuộc diện được hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo Chương trình.

- Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ theo từng năm và cả giai đoạn 2026–2030.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp được giao thực hiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối để tổ chức triển khai đúng đối tượng, đúng quy định.

- Theo dõi kết quả cấp phát, bàn giao và sử dụng thiết bị; tổng hợp tình hình thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất xử lý.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Đơn vị phối hợp: UBND các xã, phường, đặc khu, các doanh nghiệp viễn thông

c) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030

9. Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu Chương trình

a) Nội dung thực hiện

- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý đối tượng, địa bàn, dịch vụ, kết quả hỗ trợ và tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng cấu trúc dữ liệu, danh mục dữ liệu, trường thông tin và biểu mẫu nhập liệu phù hợp với các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 51/2026/TT-BKHCN và Thông tư số 57/2026/TT-BKHCN.

- Thiết lập chức năng để UBND cấp xã, Doanh nghiệp viễn thông cập nhật, bổ sung, điều chỉnh thông tin theo phân quyền; quản lý lịch sử cập nhật, chỉnh sửa và khai thác dữ liệu.

- Kết nối, tích hợp hoặc đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan khi đáp ứng điều kiện kỹ thuật và quy định về chia sẻ dữ liệu.

- Bảo đảm sao lưu, phục hồi, an toàn và bảo mật dữ liệu; duy trì hoạt động ổn định của hệ thống.

- Xây dựng chức năng tổng hợp, thống kê và hiển thị kết quả thực hiện Chương trình theo định kỳ, trong đó có kết quả thực hiện hằng tháng.

- Từng bước xây dựng các báo cáo, bảng biểu và công cụ theo dõi phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát và báo cáo, đưa kết quả hiển thị trên IOC.

- Các tính năng khác theo yêu cầu thực tế quản lý

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Đơn vị phối hợp: UBND các xã, phường, đặc khu, các doanh nghiệp viễn thông, Trung tâm Thông tin và Giám sát, Điều hành thông minh.

c) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030

10. Thông tin, tuyên truyền và hướng dẫn thực hiện

a) Nội dung thực hiện

- Tuyên truyền về mục tiêu, đối tượng, điều kiện và chính sách hỗ trợ của Chương trình.

- Hướng dẫn hộ nghèo, hộ cận nghèo, chủ tàu cá và các đối tượng thuộc diện hỗ trợ thực hiện thủ tục đăng ký và sử dụng dịch vụ.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ viễn thông được hỗ trợ đúng mục đích, an toàn và hiệu quả.

- Tăng cường tuyên truyền tại các địa bàn khó khăn, khu vực ven biển, xã đảo và các khu vực có đối tượng thuộc diện hỗ trợ.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Đơn vị phối hợp: UBND các xã, phường, đặc khu, các doanh nghiệp viễn thông, Trung tâm Thông tin và Giám sát, Điều hành thông minh.

c) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030

11. Kiểm tra, giám sát, tổng hợp và báo cáo

a) Nội dung thực hiện

- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chương trình tại các địa phương, cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp viễn thông.

- Kiểm tra việc xác định đối tượng, địa bàn, tình trạng cung cấp và sử dụng dịch vụ; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc tham mưu xử lý trường hợp thực hiện không đúng quy định.

- Tổng hợp số liệu thực hiện theo từng loại hình dịch vụ, từng nhóm đối tượng và từng địa bàn.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và UBND thành phố.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Đơn vị phối hợp: UBND các xã, phường, đặc khu, các doanh nghiệp viễn thông

c) Thời gian thực hiện: giai đoạn 2026-2030

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Năm 2026

a) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn triển khai Chương trình; hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp viễn thông.

b) Rà soát hiện trạng cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn; xác định các địa bàn, khu vực cần phổ cập.

c) Rà soát, xác định các nhóm đối tượng được hỗ trợ; trong đó tập trung rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, các cơ sở, điểm thuộc diện hỗ trợ và chủ tàu cá.

d) Tổ chức thu thập, chuẩn hóa dữ liệu ban đầu phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu Chương trình.

đ) Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu và các chức năng phục vụ cập nhật, tổng hợp, theo dõi kết quả thực hiện.

g) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn đối tượng thụ hưởng; đặc biệt hướng dẫn chủ tàu cá đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông di động hàng hải.

2. Giai đoạn 2027–2030

a) Hằng năm rà soát, cập nhật địa bàn, khu vực và đối tượng thuộc diện hỗ trợ. Cập nhật kế hoạch, nhu cầu và sản lượng thực hiện theo từng loại hình dịch vụ.

b) Tổ chức triển khai hỗ trợ theo kế hoạch được phê duyệt; theo dõi chất lượng và tình trạng sử dụng dịch vụ.

c) Duy trì, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu; thực hiện tổng hợp, thống kê và hiển thị kết quả thực hiện hằng tháng.

d) Định kỳ đo kiểm, đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông.

đ) Rà soát, cập nhật danh sách chủ tàu cá và tình hình hỗ trợ dịch vụ viễn thông di động hàng hải.

e) Hằng năm đánh giá kết quả thực hiện, xác định khó khăn, vướng mắc và đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

a) Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ nguồn đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và nguồn kinh phí được chuyển tiếp từ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn trước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Đối với nhiệm vụ quản lý, triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương: Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; đồng thời, huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

c) Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, lấy ý kiến Sở KH&CN trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, xem xét, bố trí theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan chuyên môn chủ trì tham mưu, tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn thành phố.

b) Chủ trì rà soát, tổng hợp, đề xuất địa bàn, khu vực cần phổ cập dịch vụ viễn thông; tổ chức khảo sát hiện trạng, lập hồ sơ, danh sách theo quy định.

c) Chủ trì rà soát, xác nhận danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ và thực hiện các thủ tục liên quan đến thay đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

d) Chủ trì triển khai nội dung hỗ trợ dịch vụ viễn thông di động hàng hải phục vụ thông tin liên lạc cho ngư dân trong phạm vi nhiệm vụ viễn thông công ích; phối hợp với cơ quan quản lý lĩnh vực thủy sản, UBND cấp xã và doanh nghiệp viễn thông để triển khai theo quy định.

đ) Thực hiện xác nhận kết quả đo tốc độ truy nhập Internet; định kỳ đánh giá việc đáp ứng yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông.

e) Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp viễn thông thực hiện Chương trình.

g) Chủ trì xác định yêu cầu nghiệp vụ, nội dung thông tin, dữ liệu và các chỉ tiêu phục vụ theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

h) Chỉ đạo Trung tâm Thông tin và Giám sát, Điều hành thông minh xây dựng, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu; theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện và tham mưu UBND thành phố xử lý các khó khăn, vướng mắc.

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp viễn thông kiểm tra định kỳ, đột xuất, đánh giá kết quả thực hiện hằng năm. Xác định những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân và đề xuất nhiệm vụ của năm tiếp theo.

j) Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí thực hiện quản lý, triển khai chương trình, gửi Sở Tài chính trình các cấp thẩm quyền phê duyệt

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị; ý kiến Sở Khoa học và Công nghệ và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện đối với các nhiệm vụ thuộc ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành khác có liên quan.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý, phối hợp cung cấp, cập nhật, đối chiếu thông tin, dữ liệu phục vụ xác định đối tượng, địa bàn và triển khai Chương trình.

b) Thông tin, dữ liệu cung cấp phải đầy đủ, chính xác, thống nhất và đúng cấu trúc, trường dữ liệu theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 51/2026/TT-BKHCN, Thông tư số 57/2026/TT-BKHCN và các văn bản hướng dẫn có liên quan, bảo đảm khả năng cập nhật, đối chiếu, tổng hợp và khai thác trên hệ thống.

c) Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý do cơ quan, đơn vị mình cung cấp.

4. UBND các xã, phường, đặc khu

a) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn và tiếp nhận đăng ký của các đối tượng thuộc địa bàn quản lý theo quy định.

b) Rà soát, lập, cập nhật và gửi danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ về Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Cập nhật, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đối tượng thụ hưởng trên cơ sở dữ liệu của thành phố theo phân quyền.

d) Phối hợp rà soát, xác minh thông tin thực tế tại địa bàn; kịp thời cập nhật các thay đổi về đối tượng, địa chỉ và tình trạng sử dụng dịch vụ.

đ) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin, dữ liệu do địa phương cập nhật, cung cấp; chủ động rà soát, cập nhật khi có thay đổi về đối tượng, địa chỉ, tình trạng sử dụng dịch vụ hoặc các thông tin liên quan.

e) Đối với địa bàn có tàu cá và chủ tàu cá thuộc diện hỗ trợ: phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn chủ tàu cá đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông di động hàng hải; rà soát, cung cấp và cập nhật thông tin theo yêu cầu.

g) Phối hợp thực hiện thủ tục thay đổi dịch vụ hoặc thay đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo quy định.

h) Chủ động sử dụng dự toán ngân sách được giao để thực hiện các nhiệm vụ quản lý Chương trình thuộc phạm vi trách nhiệm; trường hợp phát sinh nhiệm vụ cụ thể chưa được bố trí kinh phí hoặc vượt khả năng cân đối, tổng hợp nhu cầu, lập dự toán theo quy định, gửi Sở Tài chính, đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ để phối hợp tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Trung tâm Thông tin và Giám sát, Điều hành thông minh

Lập bản đồ số về dữ liệu viễn thông công ích.

Chủ trì quản trị, vận hành và duy trì cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý Chương trình.

6. Các doanh nghiệp viễn thông, Đài Thông tin Duyên hải

a) Phối hợp rà soát hiện trạng, lập bản đồ số, cung cấp dữ liệu kỹ thuật và đề xuất phương án cung cấp dịch vụ tại các khu vực cần phổ cập.

b) Thực hiện đo kiểm theo quy định; lập và cung cấp Mẫu số 01 - Kết quả đo tốc độ truy nhập Internet; bảo đảm tính chính xác, trung thực của số liệu, kết quả đo kiểm.

c) Cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đúng đối tượng, địa bàn, chất lượng và điều kiện theo quy định.

d) Thực hiện thủ tục thay đổi dịch vụ hoặc thay đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo danh sách được xác nhận.

đ) Đối với dịch vụ viễn thông di động hàng hải, phối hợp triển khai cung cấp dịch vụ cho chủ tàu cá thuộc diện được hỗ trợ; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình đăng ký, cung cấp và sử dụng dịch vụ.

e) Đối với doanh nghiệp được giao hỗ trợ thiết bị đầu cuối, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.

7. Đối tượng được hỗ trợ

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu cần thiết khi đăng ký nhận hỗ trợ.

b) Thực hiện đăng ký sử dụng dịch vụ theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

c) Đối với dịch vụ viễn thông phổ cập, chỉ đăng ký sử dụng dịch vụ tại một doanh nghiệp viễn thông theo quy định.

d) Chủ tàu cá thực hiện thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông di động hàng hải theo quy định.

đ) Sử dụng dịch vụ và thiết bị được hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả và tuân thủ các quy định có liên quan.

VII. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp viễn thông thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng (trước ngày 05 tháng sau) và báo cáo đột xuất theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (theo hướng dẫn của sở Khoa học và Công nghệ).

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn thành phố; định kỳ báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định, đồng thời gửi UBND thành phố để theo dõi.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình thực

hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp viễn thông kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND thành phố xem xét, giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Dân tộc và Tôn giáo;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, SKHCN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu